

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17-3-2022
V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông: Bùi Ngọc Hà.

+ Bà: Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên Tòa:
Ông K'Dem – Kiểm Sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2021/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2021 về việc: Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX-DS ngày 07/01/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Tr, sinh năm 1998.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Tr trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Hữu T đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng tại Thôn 4, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần là do anh T hay nhậu nhẹt, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, vi phạm pháp luật dẫn đến đi tù vào tháng 9 năm 2018. Vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau, cũng năm 2018 vợ chồng sống ly thân. Sau khi anh T ra tù vợ chồng hàn gắn nhưng anh T không thay đổi hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng từ đến tháng 4/2021 vợ chồng sống ly thân, hiện nay tôi đưa con về sinh sống chung với bố mẹ đẻ tại thôn V1, xã V2, huyện V3, tỉnh Thái Bình cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

+ Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Hữu T có một con chung là cháu Nguyễn Hữu Nhật M, sinh ngày 23/11/2016 hiện cháu đang sống cùng với tôi tại thôn V1, xã V2, huyện V3, tỉnh Thái Bình khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tú cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về phần tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung. Nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.

- *Tại bản tự khai ngày 01/7/2021 bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày :*

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Đỗ Thị Tr kết hôn vào năm 2016 đăng ký tại UBND xã Đ, huyện D, Lâm Đồng vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân vì nhà mẹ ruột bị người ta lừa đảo mất hết tài sản thì tôi có chút buồn chán và ăn chơi và đã vào con đường xa đọa, tôi đã dính tới pháp luật. Trong thời gian chấp hành án thì vợ tôi vẫn lo cho tôi đầy đủ và khi lúc tôi về thì tôi vẫn chăm chỉ làm ăn lo cho vợ và con bình thường. Và nhiều khi cuộc sống còn đang khó khăn vợ chồng đôi lúc cãi nhau, vì áp lực của cuộc sống thì vợ tôi lại đòi ly hôn. Xác định tình cảm vợ chồng tôi vẫn còn yêu thương vợ và con. Tôi chỉ muốn gia đình được đoàn tụ.

+ Về con chung: Tôi và chị Tr có một con chung là cháu Nguyễn Hữu Nhật M, sinh ngày 23/11/2016 khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con.

+ Về phần tài sản chung, tài sản cho vay, nợ chung, tài sản riêng: Không có.

- Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định.

Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đỗ Thị Tr và anh Nguyễn Hữu T được ly hôn.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hữu Nhật M, sinh

ngày 23/11/2016 cho chị Đỗ Thị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Anh Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Chị Tr và anh T xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí chị Tr chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Hữu T và giao con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T có địa chỉ cư trú thôn 4, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Việc Tòa án nhân dân huyện Di Linh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bị đơn anh Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Tr và anh Nguyễn Hữu T đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng tại Thôn 4, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T hay nhậu nhẹt, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, vi phạm pháp luật dẫn đến đi tù vào tháng 9 năm 2018. Vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau, cũng năm 2018 vợ chồng sống ly thân. Sau khi anh T ra tù vợ chồng hàn gắn nhưng anh T không thay đổi hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng từ đến tháng 4/2021 vợ chồng sống ly thân, hiện nay chị Tr đưa con về sinh sống chung với bố mẹ đẻ tại thôn V1, xã V2, huyện V3, tỉnh Thái Bình cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ cuối tháng 4/2021 đến nay vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được,

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Đỗ Thị Tr ly hôn với anh Nguyễn Hữu T là phù hợp.

[4] Về nuôi con chung: một con chung là cháu Nguyễn Hữu Nhật M, sinh ngày 23/11/2016 anh T và Chị Tr đều yêu cầu trực tiếp nuôi con chung.

Xét điều kiện nuôi con: Anh T không chứng minh được công việc làm và thu nhập đủ điều kiện nuôi con. Chị Tr có chỗ ở ổn định, có việc làm và thu nhập đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Mặt khác cháu Nguyễn Hữu Nhật M đang học tập, sinh sống cùng chị Tr để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu Nguyễn Hữu Nhật M thì giao cháu Nguyễn Hữu Nhật M cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Tài sản chung không có, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng là đúng quy định và phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Tr và anh Nguyễn Hữu T được ly hôn.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hữu Nhật M, sinh ngày 23/11/2016 cho chị Đỗ Thị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, anh Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0005651 ngày 21/5/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Di Linh. Chị Đỗ Thị Tr

đã nộp đủ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Cơ quan THADS huyện Di Linh;
- UBND xã Đình Trang Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đồng